

Số: **3021** /LĐTBXH-TE
V/v đăng tải dự thảo Thông tư
ban hành Khung chương trình đào tạo,
bồi dưỡng về bảo vệ trẻ em

Hà Nội, ngày **08** tháng **8** năm 2022

Kính gửi: Công Thông tin điện tử Chính phủ

Thực hiện chương trình công tác năm 2022, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội xây dựng dự thảo Thông tư ban hành Khung chương trình đào tạo, bồi dưỡng về bảo vệ trẻ em.

Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội gửi Quý cơ quan nội dung dự thảo Thông tư nêu trên để đăng trên Công Thông tin điện tử Chính phủ theo quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Trân trọng cảm ơn Quý cơ quan./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Công TTĐT của Bộ (để đăng tải);
- Lưu: VT, TE (02).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Thị Hà

Số: /2022/TT-BLĐTBXH

Hà Nội, ngày tháng năm 2022

Dự thảo

THÔNG TƯ

Ban hành Khung chương trình đào tạo, bồi dưỡng về bảo vệ trẻ em

Căn cứ Luật Trẻ em ngày 05 tháng 4 năm 2016;

Căn cứ Nghị định số 56/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Trẻ em;

Căn cứ Nghị định số 14/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

Căn cứ Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và Nghị định số 89/2021/NĐ-CP ngày 18 tháng 10 năm 2021 của Chính phủ về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Trẻ em;

Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Thông tư ban hành Khung chương trình đào tạo, bồi dưỡng về bảo vệ trẻ em.

Điều 1. Ban hành kèm theo Thông tư này Khung chương trình đào tạo, bồi dưỡng về bảo vệ trẻ em

1. Khung chương trình đào tạo, bồi dưỡng về bảo vệ trẻ em cho người làm công tác bảo vệ trẻ em cấp xã (phụ lục 01 kèm theo).
2. Khung chương trình đào tạo, bồi dưỡng về bảo vệ trẻ em cho công tác viên bảo vệ trẻ em (phụ lục 02 kèm theo).
3. Khung chương trình đào tạo, bồi dưỡng về bảo vệ trẻ em cho người cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em (phụ lục 03 kèm theo).

Điều 2. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Thông tư này ban hành Khung chương trình đào tạo, bồi dưỡng về bảo vệ trẻ em cho người làm công tác bảo vệ trẻ em cấp xã; cộng tác viên bảo vệ trẻ em tại thôn, làng, ấp, bản, buôn, phum, sóc, tổ dân phố, khu phố, khóm; người cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em làm việc trong các cơ sở cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em do ngành Lao động - Thương binh và Xã hội quản lý.

2. Đối tượng áp dụng: Thông tư này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cơ sở đào tạo, bồi dưỡng và cá nhân có chức năng, nhiệm vụ tham gia đào tạo, bồi dưỡng về bảo vệ trẻ em.

Điều 3. Nguyên tắc xây dựng chương trình đào tạo, bồi dưỡng

1. Chương trình, tài liệu được biên soạn phải đáp ứng nhu cầu của người học, lấy người học làm trung tâm, phù hợp với trách nhiệm, tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ về bảo vệ trẻ em cho các vị trí việc làm và yêu cầu thực tiễn trong từng giai đoạn.

2. Nội dung chương trình đào tạo, bồi dưỡng phải bổ sung, cập nhật, nâng cao kiến thức, kỹ năng đáp ứng yêu cầu về bảo vệ trẻ em, các biện pháp bảo vệ trẻ em cấp độ phòng ngừa, hỗ trợ, can thiệp và thực hiện kế hoạch hỗ trợ, can thiệp trường hợp trẻ em bị xâm hại hoặc có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt.

3. Chương trình linh hoạt về thời gian và hình thức đào tạo, bồi dưỡng phù hợp với tình hình thực tế của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng và nhu cầu của người học.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Giao Cục Trẻ em hướng dẫn triển khai, thực hiện Thông tư này; tổ chức kiểm tra hoạt động đào tạo, bồi dưỡng về bảo vệ trẻ em.

2. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tổ chức thực hiện Thông tư này; kiểm tra, thanh tra việc đào tạo, bồi dưỡng của các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng theo thẩm quyền; báo cáo Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội khi có yêu cầu.

3. Cơ quan, tổ chức, cơ sở đào tạo, bồi dưỡng có chức năng đào tạo, bồi dưỡng về bảo vệ trẻ em:

a) Xây dựng nội dung tài liệu theo Khung chương trình quy định tại Thông tư này và trình cấp có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt.

b) Tổ chức các khóa đào tạo, bồi dưỡng; tạo điều kiện cho người học tham gia các chương trình đào tạo khác phù hợp theo quy định.

c) Cấp chứng chỉ, chứng nhận cho người học theo quy định.

4. Giảng viên đào tạo, bồi dưỡng về bảo vệ trẻ em phải bảo đảm các tiêu chuẩn quy định tại Điều 13 Thông tư số 01/2018/TT-BNV hướng dẫn một số điều của nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức hoặc là người có ít nhất 5 năm làm việc trong lĩnh vực quản lý nhà nước về trẻ em hoặc cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em đã tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng giảng viên nguồn về bảo vệ trẻ em.

5. Người học phải tham gia đầy đủ thời gian quy định của khóa học, chấp hành nội quy khóa đào tạo, bồi dưỡng; được cơ quan, tổ chức, cơ sở đào tạo, bồi dưỡng cấp giấy chứng nhận, chứng chỉ theo quy định.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng năm 2022.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các cơ quan, tổ chức, cơ sở đào tạo, bồi dưỡng, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội thông qua Cục Trẻ em để xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Quốc gia về trẻ em;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Hội Bảo vệ quyền trẻ em Việt Nam;
- HĐND, UBND, Sở LĐTBXH các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Bộ LĐTBXH: Lãnh đạo Bộ; các đơn vị có liên quan;
- Công báo;
- Cổng thông tin điện tử Chính phủ;
- Cổng thông tin điện tử Bộ LĐTBXH;
- Lưu: VT, Cục TE_(10b).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nguyễn Thị Hà

Phụ lục I

KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG VỀ BẢO VỆ TRẺ EM CHO NGƯỜI LÀM CÔNG TÁC BẢO VỆ TRẺ EM CẤP XÃ

(Ban hành kèm theo Thông tư số: /2022/TT-BLĐTBXH ngày tháng năm 2022
của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội)

I. Đối tượng

Người làm công tác bảo vệ trẻ em cấp xã.

II. Mục đích

1. Trang bị cho người học những kiến thức, hiểu biết cơ bản về quyền trẻ em và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc thực hiện quyền trẻ em theo quy định của pháp luật; Chính sách của nhà nước đối với trẻ em; Tâm lý và nhu cầu trẻ em theo các nhóm trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt.

2. Giúp người học hiểu biết và hình thành các kỹ năng cơ bản tiếp cận và làm việc với trẻ em, gia đình trẻ em; thực hành tiếp nhận thông tin, thông báo và thực hiện kế hoạch hỗ trợ, can thiệp trẻ em bị xâm hại hoặc có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt.

III. Nội dung, thời lượng, hình thức đào tạo, bồi dưỡng

1. Nội dung đào tạo, bồi dưỡng:

STT	Tên và nội dung chính của mô đun	Yêu cầu cần đạt được đối với người học	Thời lượng (%)	
			Lý thuyết	Thực hành
1	<p>Chuyên đề 1: Tổng quan về bảo vệ trẻ em</p> <p>1. Khái quát những vấn đề chung về bảo vệ trẻ em: bảo vệ trẻ em là gì, yêu cầu bảo vệ trẻ em; bảo vệ trẻ em 3 cấp độ; trách nhiệm thông tin, xử lý thông tin về trường hợp TE bị xâm hại; trẻ em có nguy cơ bị xâm hại; quy trình hỗ trợ, can thiệp trẻ em bị xâm hại, trẻ em nguy cơ bị xâm hại.</p> <p>2. Khái niệm, đặc điểm và nhu cầu các nhóm trẻ em bị xâm hại; nguyên nhân, hậu quả, dấu hiệu nhận biết trẻ em bị xâm hại.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Có khả năng hiểu để nhận diện, phát hiện các vấn đề về xâm hại/bạo lực trẻ em. - Có khả năng xác định/kết luận được các trường hợp xâm hại/bạo lực trẻ em để có kế hoạch hỗ trợ, can thiệp. 	40%	60%

2	<p>Chuyên đề 2: Hệ thống chính sách và các dịch vụ công tác xã hội trong bảo vệ trẻ em</p> <p>1. Hệ thống luật pháp, chính sách và các dịch vụ bảo vệ trẻ em.</p> <p>2. Hệ thống bảo vệ trẻ em và hệ thống cơ sở cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em.</p>	<p>- Hiểu và thực hành được cơ cấu dịch vụ bảo vệ trẻ em (Chính thức và không chính thức, phòng ngừa và ứng phó).</p> <p>- Thực hiện, đề xuất được các hoạt động tư vấn, kết nối chính sách bảo vệ trẻ em.</p>	50%	50%
3	<p>Chuyên đề 3: Khái quát về công tác xã hội trong bảo vệ trẻ em</p> <p>1. Những vấn đề chung về công tác xã hội như: Khái niệm, mục đích, ý nghĩa, nguyên tắc, quan điểm, lý thuyết về trẻ em...</p> <p>2. Các hoạt động cung cấp dịch vụ công tác xã hội trong bảo vệ trẻ em: Vận động huy động nguồn lực, tư vấn chính sách, biện hộ, can thiệp sơ bộ và khẩn cấp...</p> <p>3. Kiến thức làm việc với 1 số nhóm trẻ em đặc thù như: Trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, Trẻ em cần được chăm sóc thay thế, Bảo vệ trẻ em trên môi trường mạng...</p>	<p>- Đề xuất, xây dựng và thực hiện kế hoạch hỗ trợ, can thiệp trẻ em bị xâm hại trẻ em, trẻ em có nguy cơ bị xâm hại và công tác xã hội trong bảo vệ trẻ em nói riêng.</p> <p>- Thực hiện được một số hoạt động cơ bản về công tác xã hội trong bảo vệ trẻ em với một số nhóm trẻ em đặc thù trong Luật.</p> <p>- Có khả năng theo dõi/giám sát hỗ trợ đội ngũ cộng tác viên.</p>	40%	60%
4	<p>Chuyên đề 4: Kỹ năng công tác xã hội trong can thiệp với gia đình/cộng đồng và các bên liên quan về vấn đề bảo vệ trẻ em</p> <p>1. Kỹ năng làm việc với trẻ em và gia đình trẻ em.</p> <p>2. Kỹ năng làm việc với cộng đồng, tổ chức xã hội, các cơ quan cung cấp dịch vụ xã hội trong bảo vệ trẻ em.</p> <p>3. Kỹ năng làm việc với các nhóm chuyên môn/liên ngành trong bảo vệ trẻ em.</p>	<p>Có khả năng và ứng dụng được các kỹ năng công tác xã hội khi làm việc, họp nhóm liên ngành, tổ chức thực hiện công việc với các bên liên quan trong lĩnh vực bảo vệ trẻ em.</p>	30%	70%

2. Thời lượng đào tạo, bồi dưỡng: tối đa là 5 ngày (5x8 tiết=40 tiết học).

3. Hình thức đào tạo, bồi dưỡng:

- Đào tạo, bồi dưỡng tập trung trực tiếp.
- Đào tạo, bồi dưỡng trực tuyến.

Phụ lục II

KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG VỀ BẢO VỆ TRẺ EM CHO CỘNG TÁC VIÊN BẢO VỆ TRẺ EM

(Ban hành kèm theo Thông tư số: /2022/TT-BLĐTBXH ngày tháng năm 2022
của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội)

I. Đối tượng

Cộng tác viên bảo vệ trẻ em tại thôn, làng, ấp, bản, buôn, phum, sóc, tổ dân phố, khu phố, khóm.

II. Mục đích

1. Trang bị cho người học những kiến thức, hiểu biết cơ bản về quyền trẻ em và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc thực hiện quyền trẻ em theo quy định của pháp luật; Chính sách của nhà nước đối với trẻ em; Tâm lý trẻ em và nhu cầu của trẻ em theo độ tuổi.

2. Giúp người học hiểu biết và hình thành các kỹ năng cơ bản làm việc với trẻ em, gia đình trẻ em; thực hành chuyển thông tin, thông báo, tố giác và hành vi xâm hại trẻ em hoặc trẻ em có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt.

III. Nội dung, thời lượng, hình thức đào tạo, bồi dưỡng

1. Nội dung đào tạo, bồi dưỡng:

STT	Tên và nội dung chính của mô đun	Yêu cầu cần đạt được đối với người học	Thời lượng (%)	
			Lý thuyết	Thực hành
1	<p>Chuyên đề 1: Tổng quan về bảo vệ trẻ em (xem Phụ lục 1)</p> <p>1. Những vấn đề chung về bảo vệ trẻ em như: bảo vệ trẻ em là gì, yêu cầu bảo vệ trẻ em; bảo vệ trẻ em 3 cấp độ; trách nhiệm thông tin, xử lý thông tin về trường hợp trẻ em bị xâm hại; trẻ em có nguy cơ bị xâm hại.</p> <p>2. Khái niệm, đặc điểm và nhu cầu các nhóm trẻ em bị xâm hại; nguyên nhân, hậu quả, dấu hiệu nhận biết trẻ em bị xâm hại.</p>	<p>- Có khả năng hiểu để nhận diện, phát hiện và tố giác các vấn đề về xâm hại/bạo lực trẻ em tới các cơ quan chức năng phù hợp với các quy định, pháp luật của Việt Nam.</p>	40%	60%

2	<p>Chuyên đề 2: Khái quát về công tác xã hội trong bảo vệ trẻ em</p> <p>1. Những vấn đề chung về công tác xã hội như: Khái niệm, mục đích, ý nghĩa, nguyên tắc, quan điểm, lý thuyết về trẻ em, bảo vệ trẻ em...</p> <p>2. Các hoạt động cung cấp dịch vụ công tác xã hội trong bảo vệ trẻ em: Vận động huy động nguồn lực, tư vấn cung cấp thông tin, hoà giải, can thiệp sơ bộ và khẩn cấp...</p>	- Hiểu và thực hiện được các hoạt động cơ bản trong cung cấp dịch vụ công tác xã hội liên quan tới bảo vệ trẻ em.	40%	60%
3	<p>Chuyên đề 3: Kỹ năng cơ bản của công tác xã hội trong bảo vệ trẻ em</p> <p>1. Kỹ năng giao tiếp với trẻ em, gia đình và các bên liên quan.</p> <p>2. Kỹ năng nhận diện, tố giác, làm việc với các trường hợp trẻ em bị xâm hại/bạo lực.</p> <p>3. Kỹ năng tư vấn, truyền thông, nâng cao nhận thức về bảo vệ trẻ em.</p> <p>4. Kỹ năng thuyết phục, hoà giải.</p>	- Có khả năng làm việc, giao tiếp với trẻ em cũng như thực hiện các hoạt động cơ bản về bảo vệ trẻ em trong chức năng nhiệm vụ được giao.	40%	60%

2. Thời lượng đào tạo, bồi dưỡng: tối đa 05 ngày (5x8 tiết=40 tiết học).

3. Hình thức đào tạo, bồi dưỡng:

- Đào tạo, bồi dưỡng tập trung trực tiếp.
- Đào tạo, bồi dưỡng trực tuyến.

Phụ lục III
KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG VỀ BẢO VỆ TRẺ EM
CHO NGƯỜI CUNG CẤP DỊCH VỤ BẢO VỆ TRẺ EM

*(Ban hành kèm theo Thông tư số: /2022/TT-BLĐTBXH ngày tháng năm 2022
của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội)*

I. Đối tượng

Người cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em là người làm việc trong các cơ sở cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em do cơ quan lao động - thương binh và xã hội quản lý.

II. Mục đích

1. Trang bị cho người học kiến thức hiểu biết về quyền trẻ em theo quy định của pháp luật; chính sách của nhà nước đối với trẻ em; kiến thức nâng cao về dịch vụ bảo vệ trẻ em ba cấp độ, đặc biệt là dịch vụ bảo vệ trẻ em cấp độ 3; hiểu biết về tâm lý và nhu cầu của trẻ em theo lứa tuổi.

2. Giúp người học hiểu biết và hình thành kỹ năng nâng cao về cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em cấp độ hỗ trợ và can thiệp.

III. Nội dung, thời lượng đào tạo, bồi dưỡng

1. Nội dung đào tạo, bồi dưỡng:

STT	Tên và nội dung chính của mô đun	Yêu cầu cần đạt được đối với người học	Thời lượng (%)	
			Lý thuyết	Thực hành
1	<p>Chuyên đề 1: Tổng quan về bảo vệ trẻ em (xem Phụ lục 1)</p> <p>1. Khái quát những vấn đề chung về bảo vệ trẻ em: bảo vệ trẻ em là gì; yêu cầu bảo vệ trẻ em; bảo vệ trẻ em 3 cấp độ; trách nhiệm thông tin, xử lý thông tin về trường hợp trẻ em bị xâm hại; trẻ em có nguy cơ bị xâm hại; quy trình hỗ trợ, can thiệp trẻ em bị xâm hại, trẻ em nguy cơ bị xâm hại.</p> <p>2. Khái niệm, đặc điểm và nhu cầu các nhóm trẻ em bị xâm hại; nguyên nhân, hậu quả, dấu hiệu nhận biết trẻ em bị xâm hại.</p>	<p>- Có khả năng hiểu để nhận diện, phát hiện các vấn đề về xâm hại/bạo lực trẻ em</p> <p>- Có khả năng xác định/kết luận được các trường hợp xâm hại/bạo lực trẻ em từ đó xây dựng và thực hiện kế hoạch hỗ trợ, can thiệp hoặc chuyển gửi cho các cơ quan chức năng có liên quan.</p>	50%	50%

2	<p>Chuyên đề 2: Hệ thống chính sách và các dịch vụ công tác xã hội trong bảo vệ trẻ em</p> <p>1. Hệ thống luật pháp, chính sách và các dịch vụ bảo vệ trẻ em của quốc tế và Việt Nam.</p> <p>2. Hệ thống bảo vệ trẻ em và hệ thống cơ sở cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em.</p>	<p>- Hiểu và thực hành được cơ cấu dịch vụ bảo vệ trẻ em (Chính thức và không chính thức, phòng ngừa và ứng phó).</p> <p>- Hiểu và thực hành được trong bối cảnh luật pháp và chính sách của dịch vụ bảo vệ trẻ em.</p>	60%	40%
3	<p>Chuyên đề 3: Công tác xã hội trong bảo vệ trẻ em</p> <p>1. Những vấn đề chung về công tác xã hội: Khái niệm, mục đích, ý nghĩa, nguyên tắc...).</p> <p>2. Một số quan điểm, lý thuyết ứng dụng trong lĩnh vực công tác xã hội bảo vệ trẻ em.</p> <p>3. Các phương pháp công tác xã hội trong bảo vệ trẻ em.</p> <p>4. Các hoạt động công tác xã hội trong bảo vệ trẻ em.</p>	<p>- Thực hiện được các hoạt động công tác xã hội trong bảo vệ trẻ em với một số nhóm trẻ em đặc thù trong Luật Trẻ em.</p> <p>- Có khả năng hỗ trợ, giám sát đội ngũ cán bộ không chuyên trong các hoạt động can thiệp của công tác xã hội với bảo vệ trẻ em.</p>	50%	50%
4	<p>Chuyên đề 4: Quy trình quản lý trường hợp trong bảo vệ trẻ em (Dựa theo nghị định số 56/2017/NĐ-CP)</p> <p>1. Báo cáo/tô cáo các trường hợp.</p> <p>2. Can thiệp khẩn cấp (nếu có).</p> <p>3. Tiếp nhận, phối hợp xử lý thông tin.</p> <p>4. Đánh giá tâm lý/xã hội/rủi ro.</p> <p>5. Xác định nhu cầu.</p> <p>6. Lập kế hoạch trường hợp.</p> <p>7. Thực hiện kế hoạch.</p> <p>8. Rà soát, đánh giá trường hợp.</p> <p>9. Giám sát/Kết thúc/Theo dõi trường hợp.</p>	<p>- Thực hiện được các hoạt động phòng ngừa, can thiệp, hỗ trợ và bảo vệ trẻ em theo Nghị định số 56/2017/NĐ-CP (Đánh giá trường hợp, Lập kế hoạch cho trường hợp, Quản lý trường hợp, Rà soát trường hợp, Giám sát trường hợp và Kết thúc trường hợp)</p> <p>- Có khả năng hỗ trợ, giám sát việc thực hiện quy trình của người làm công tác bảo vệ trẻ em cấp xã.</p>	60%	40%
5	<p>Chuyên đề 5: Công tác xã hội trong bảo vệ một số nhóm trẻ em đặc thù</p> <p>1. Công tác xã hội với trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt gồm trẻ em bị bạo lực/xâm hại.</p> <p>2. Công tác xã hội với trẻ em cần chăm sóc thay thế.</p>	<p>- Có khả năng vận dụng kiến thức công tác xã hội (quy trình, phương pháp, hoạt động...) trong bảo vệ các nhóm trẻ em đặc thù được quy định trong Luật trẻ em.</p>	50%	50%

	3. Công tác xã hội với trẻ em cần được bảo vệ trên mạng.	- Có khả năng hỗ trợ, giám sát đội ngũ cán bộ không chuyên.		
6	<p>Chuyên đề 6: Một số kỹ năng công tác xã hội trong bảo vệ trẻ em</p> <p>1. Một số kỹ năng công tác xã hội trong bảo vệ trẻ em (Kỹ năng lắng nghe, kỹ năng quan sát, kỹ năng đặt câu hỏi, kỹ năng phản hồi, kỹ năng thấu cảm, kỹ năng làm rõ ý...).</p> <p>2. Ứng dụng một số kỹ năng công tác xã hội khi làm việc với trẻ em và gia đình trẻ em.</p> <p>3. Ứng dụng một số kỹ năng công tác xã hội với cộng đồng, tổ chức xã hội, các cơ quan cung cấp dịch vụ xã hội.</p> <p>4. Ứng dụng một số kỹ năng công tác xã hội khi làm việc với các bên liên quan.</p>	<p>- Hiểu và có khả năng vận dụng kỹ năng công tác xã hội một cách nhuần nhuyễn khi làm việc với các đối tượng khác nhau trong lĩnh vực bảo vệ trẻ em.</p> <p>- Có khả năng hỗ trợ, giám sát việc thực hiện kỹ năng của đội ngũ cán bộ không chuyên.</p>	30%	70%

2. Thời lượng đào tạo, bồi dưỡng: tối thiểu 05 ngày (có thể chia theo 1 hoặc 2 kỳ học trong 1 năm, mỗi kỳ 2-3 ngày).

3. Hình thức đào tạo, bồi dưỡng:

- Đào tạo, bồi dưỡng tập trung trực tiếp.
- Đào tạo, bồi dưỡng trực tuyến.

Số: /TTr-TE

Hà Nội, ngày tháng năm 2022

DƯ THẢO

TỜ TRÌNH

**Về việc xây dựng Thông tư ban hành Khung chương trình đào tạo,
bồi dưỡng về bảo vệ trẻ em**

Kính gửi: Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH THÔNG TƯ

1. Cơ sở pháp lý

Xây dựng Khung chương trình đào tạo, bồi dưỡng về bảo vệ trẻ em là thực hiện trách nhiệm quản lý nhà nước về lĩnh vực trẻ em, trong đó có quy định về “xây dựng, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người được giao làm công tác bảo vệ trẻ em, người chăm sóc trẻ em và mạng lưới cộng tác viên bảo vệ trẻ em thực hiện quyền của trẻ em” (Khoản 5 Điều 8, Luật Trẻ em) và trách nhiệm của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội trong “hướng dẫn và tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật về bảo vệ trẻ em” (Khoản 5 Điều 82, Luật Trẻ em).

- Thông tư ban hành Khung chương trình đào tạo, bồi dưỡng về bảo vệ trẻ em là một trong những “giải pháp về nhân lực và và bảo đảm điều kiện thực hiện quyền trẻ em” theo quy định tại Khoản 3, Điều 7 Luật Trẻ em để “ thực hiện các biện pháp phù hợp để bảo đảm trẻ em được sống an toàn, lành mạnh; phòng ngừa, ngăn chặn và xử lý các hành vi xâm hại trẻ em; trợ giúp trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt” (Khoản 1 Điều 4).

- Thông tư ban hành Khung chương trình đào tạo, bồi dưỡng về bảo vệ trẻ em là căn cứ để cơ sở đào tạo, bồi dưỡng xây dựng, biên soạn nội dung, tài liệu đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ cộng tác viên về bảo vệ trẻ em, người làm công tác bảo vệ trẻ em cấp xã, người cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em trong các cơ sở cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em thuộc ngành lao động thương binh xã hội quản lý (khoản 1, Điều 57 Luật Trẻ em quy định về thẩm quyền thành lập, cấp đăng ký đối với cơ sở cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em) thực hiện được các yêu cầu và trách nhiệm bảo vệ trẻ em (mục 1, Chương IV, Luật Trẻ em) và cũng như trách nhiệm của người làm công tác bảo vệ trẻ em cấp xã (Điều 53, Điều 72 Luật Trẻ em) và trách nhiệm bảo vệ trẻ em trên môi trường mạng (Khoản 1 Điều 34 Nghị định số 56/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Trẻ em).

Thông tư ban hành ban hành Khung chương trình đào tạo, bồi dưỡng về bảo vệ trẻ em là hướng dẫn Khung chương trình đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, các nội dung quy định đào tạo, bồi dưỡng về giảng viên, đánh giá kết quả học tập của học viên theo quy định tại Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 quy định về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và Nghị định số 89/2021/NĐ-CP ngày 18/10/2021 sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 quy định về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và các văn bản quy phạm hướng dẫn về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức, dự thảo Thông tư này quy định một số yêu cầu đặc thù về lĩnh vực trẻ em đối với giảng viên, cơ sở giáo dục, đào tạo.

Thực hiện Quyết định số 1383/QĐ-LĐTBXH ngày 07 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Chương trình công tác năm 2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, trong đó giao Cục Trẻ em là đơn vị chủ trì phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựng Thông tư ban hành Khung chương trình đào tạo, bồi dưỡng về bảo vệ trẻ em.

2. Cơ sở thực tiễn

Tổ chức bộ máy làm công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em trong những năm vừa qua có nhiều biến động¹. Trước đây, mỗi tỉnh/thành phố đều có 01 phòng chức năng thực hiện quản lý nhà nước về trẻ em thuộc Sở Lao động – Thương binh và Xã hội. Đến nay, 63/63 tỉnh/thành phố ghép nhiệm vụ quản lý nhà nước về trẻ em với các lĩnh vực khác như: bình đẳng giới, bảo trợ xã hội, phòng, chống tệ nạn xã hội, người có công. Tính đến tháng 5/2022 có (i) 345 cán bộ làm công tác trẻ em cấp tỉnh (154 cán bộ chuyên trách; 191 cán bộ kiêm nhiệm); (ii) 1.054 cán bộ làm công tác trẻ em cấp huyện (117 cán bộ chuyên trách; 937 cán bộ kiêm nhiệm); (iii) 11.130 cán bộ làm công tác trẻ em cấp xã (633 cán bộ chuyên trách; 10.497 cán bộ kiêm nhiệm); (iv) 80.297 cộng tác viên làm công tác bảo vệ trẻ em. đội ngũ cán bộ chuyên trách làm công tác trẻ em từ cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã đều giảm (cấp tỉnh năm 2019 trung bình khoảng 4 người/tỉnh, thành phố, hiện nay còn 2-3 người/tỉnh, thành phố), thường xuyên luân chuyển; cán bộ luân chuyển chưa được đào tạo cơ bản về quyền trẻ em và công tác xã hội nên chất lượng, hiệu quả hoạt động công tác trẻ em chưa cao.

Năng lực của đội ngũ cán bộ làm công tác trẻ em ở nhiều địa phương còn thiếu và yếu, nhất là cấp cơ sở. Đội ngũ nhân viên công tác xã hội chuyên nghiệp chưa định hình nên vẫn còn nhiều khoảng trống trong việc thực thi pháp luật, chính sách về bảo vệ trẻ em, đặc biệt tại gia đình và cộng đồng.

Trong những năm qua công tác đào tạo bồi dưỡng do Trung ương và địa phương tổ chức cho cán bộ làm công tác trẻ em mới chỉ cập nhật những văn bản pháp luật, chính sách có liên quan đến trẻ em, những chương trình đề án, những trọng tâm của từng năm và định hướng trong những năm tiếp theo; việc đào tạo,

¹ Thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban chấp hành Trung ương Khóa XII về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

bồi dưỡng chưa bài bản, đối tượng đào tạo cũng đa dạng, chưa đáp ứng được yêu cầu và nhiệm vụ của công tác bảo vệ trẻ em.

Trong bối cảnh mới, tình hình bạo lực, xâm hại trẻ em diễn biến phức tạp, yêu cầu phải có các giải pháp toàn diện về hoàn thiện luật pháp, chính sách, đầu tư nguồn nhân lực, kinh phí để tăng cường công tác bảo vệ trẻ em, trong đó, vấn đề đáp ứng nhu cầu phải đào tạo, bồi dưỡng về thực hiện quyền trẻ em, về bảo vệ trẻ em cho người làm công tác bảo vệ trẻ em cấp xã, người cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em và cộng tác viên làm công tác trẻ em là hết sức cần thiết để thực hiện nhiệm vụ tiếp nhận, kết nối, can thiệp trợ giúp, giám sát trẻ em bị bạo lực, xâm hại.

Từ các lý do trên, việc xây dựng, ban hành Thông tư ban hành Khung chương trình đào tạo, bồi dưỡng về bảo vệ trẻ em là rất cần thiết.

II. QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO VIỆC XÂY DỰNG DỰ THẢO THÔNG TƯ

1. Khung chương trình đào tạo, bồi dưỡng về bảo vệ trẻ em phải đáp ứng nhu cầu của người học, lấy người học làm trung tâm và yêu cầu chuyên môn, nghiệp vụ về bảo vệ trẻ em cho các đối tượng được quy định trong Thông tư này.

2. Khung chương trình đào tạo, bồi dưỡng về bảo vệ trẻ em phải đáp ứng yêu cầu có thể mở rộng, thể điều chỉnh bổ sung, cập nhật kiến thức mới; linh hoạt về thời gian, hình thức đào tạo, bồi dưỡng và phù hợp với tình hình thực tế hoạt động của người học.

3. Khung chương trình đào tạo, bồi dưỡng về bảo vệ trẻ em thiết kế theo các chuyên đề, bài giảng bảo đảm sự gắn kết chặt chẽ với nhau để có thể đào tạo, bồi dưỡng theo từng khóa học hoặc nhiều khóa kế tiếp nhau.

4. Thông tư ban hành Khung chương trình đào tạo, bồi dưỡng về bảo vệ trẻ em phải đảm bảo đảm tính khả thi trong thực tiễn triển khai.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO THÔNG TƯ

Trong quá trình xây dựng dự thảo Thông tư, Cục Trẻ em đã thực hiện đúng và đầy đủ quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020 và Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật, cụ thể như sau:

1. Nghiên cứu các căn cứ pháp lý, thực tiễn; đánh giá tình hình việc tổ chức đào tạo, bồi dưỡng về bảo vệ trẻ em trong những năm qua; xây dựng đề cương, dự thảo Thông tư, Tờ trình Bộ trưởng và báo cáo đánh giá tác động.

2. Tổ chức các cuộc họp, hội thảo, tham vấn ý kiến, lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan về các nội dung của dự thảo Thông tư.

3. Đăng dự thảo Thông tư trên Cổng thông tin điện tử của Chính phủ và của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (Công văn số /LĐTBXH-TE ngày /8/2022).

4. Gửi công văn đến các bộ, ngành, đơn vị, địa phương lấy ý kiến góp ý về dự thảo Thông tư (Công văn số /LĐTBXH-TE ngày /8/2022).

5. Tổng hợp ý kiến của các bộ, ngành, địa phương.

6. Gửi hồ sơ đến Văn phòng Bộ lấy ý kiến về việc kiểm soát thủ tục hành chính trong quá trình xây dựng dự thảo Thông tư (Công văn số 369/TE-VP ngày 08 tháng 7 năm 2022).

7. Gửi hồ sơ đến Vụ Pháp chế thẩm định dự thảo Thông tư.

8. Tiếp thu ý kiến thẩm định của Vụ Pháp chế để hoàn thiện hồ sơ trình Bộ trưởng theo quy định.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO THÔNG TƯ

1. Bố cục: Dự thảo Thông tư gồm 5 Điều.

2. Nội dung chính của dự thảo Thông tư.

Điều 1. Ban hành kèm theo Thông tư này Khung chương trình, đào tạo, bồi dưỡng về bảo vệ trẻ em

Điều 2. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

Điều 3. Nguyên tắc xây dựng chương trình đào tạo, bồi dưỡng

Điều 4. Tổ chức thực hiện

Điều 5. Hiệu lực thi hành

V. NỘI DUNG CỦA DỰ THẢO THÔNG TƯ

...

VI. Ý KIẾN CỦA CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

...

VII. HỒ SƠ DỰ THẢO THÔNG TƯ TRÌNH BỘ TRƯỞNG

1. Tờ trình Bộ trưởng về dự thảo Thông tư.

2. Dự thảo Thông tư.

3. Văn bản thẩm định của Vụ Pháp chế; báo cáo giải trình tiếp thu ý kiến thẩm định.

4. Văn bản của Văn phòng Bộ kiểm soát thủ tục hành chính.

5. Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến của cơ quan, tổ chức, cá nhân; bản sao ý kiến góp ý.

6. Báo cáo đánh giá tác động.

Trên đây là Tờ trình về dự thảo Thông tư ban hành Khung chương trình đào tạo, bồi dưỡng về bảo vệ trẻ em, kính trình Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thứ trưởng Nguyễn Thị Hà (để báo cáo);
- Vụ Pháp chế;
- Vụ Tổ chức cán bộ;
- Văn phòng Bộ;
- Lưu: VT, Cục TE (2b).

CỤC TRƯỞNG

Đặng Hoa Nam